

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HỒ TRUNG ĐÔNG

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP
NÂNG CAO MỨC SỐNG CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 3A TỈNH GIA LAI**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN**

Phản biện 1: **PGS.TS. VÕ XUÂN TIẾN**

Phản biện 2: **TS. ĐỖ NGỌC MỸ**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 11 năm 2011.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Những năm gần đây ở nước ta các dự án thủy điện đã và đang được đầu tư lớn cả về quy mô và trên nhiều địa phương. Đặc thù xây dựng của các dự án thủy điện chủ yếu tại các tỉnh miền núi, nơi đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống theo cộng đồng với tập quán với nền văn hoá truyền thống lâu đời, đa dạng.

Nhiều phản ánh trên báo chí, thông tin đại chúng về đời sống của các hộ dân sau tái định cư các dự án thủy điện còn gặp rất nhiều khó khăn, mức sống chưa được nâng lên đáng kể so với trước khi tái định cư, thậm chí một số nơi mức sống của họ còn kém đi.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng quy mô lớn như xây dựng thủy điện, đô thị hóa...v.v, để phát triển kinh tế, xã hội là rất cần thiết, sẽ mang lại lợi ích to lớn cho đất nước và xã hội. Tuy nhiên sẽ bất bình đẳng nếu một nhóm dân cư, đặc biệt họ là những người chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các dự án, phải hy sinh lợi ích riêng của mình cho lợi ích chung, phải di dân tái định cư bắt buộc, lại không được hưởng lợi từ thành quả phát triển. Điều đó mâu thuẫn với mục tiêu xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ở nước ta.

Dự án thủy điện Sê San 3A có 155 hộ dân thuộc vùng ngập lòng hồ, phải di dân bắt buộc, tái định cư tại làng Dip, xã Ia Kreng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai từ năm 2006. Đến nay, cuộc sống của các hộ dân tái định cư này chưa có cá nhân, tổ chức nào khảo sát đánh giá cụ thể về thực trạng cuộc sống của họ.

Từ những phân tích trên, cần thiết phải có khảo sát và đánh giá thực trạng mức sống hiện nay của các hộ dân tái định cư thuộc dự án thủy điện Sê San 3A như thế nào so với mức sống của họ trước tái định cư cách 5 năm. Đó là lý do chọn đề tài luận văn "Một số giải pháp nâng cao mức sống các hộ dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A tỉnh Gia Lai".

2. Mục đích nghiên cứu

Thứ nhất: Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn mức sống và nâng cao mức sống các hộ dân dự án tái định cư của các công trình thủy điện.

Thứ hai: Điều tra, phỏng vấn, thu thập thực trạng mức sống các hộ dân tái định cư; tổng hợp, đánh giá kết quả tìm ra những vấn đề đã làm tốt, chưa tốt và nguyên nhân.

Thứ ba: Đề xuất một số giải pháp để ổn định và nâng cao mức sống bền vững cho người dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài điều tra, phỏng vấn nhằm thu thập thực trạng mức sống, các yếu tố ảnh hưởng mức sống thông qua các tiêu chí đo lường mức sống đối với các hộ tái định cư thuộc dự án Thủy điện Sê San 3A.

4. Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận

- Tiếp cận từ chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, chính sách của Chính quyền địa phương;

- Tiếp cận lý thuyết các tiêu chí đánh giá mức sống và nâng cao mức sống các hộ di dân tái định cư là đồng bào dân tộc;

- Điều tra trực tiếp, phỏng vấn, thu thập số liệu theo các tiêu chí đo lường mức sống hiện tại, so sánh với mức sống trước tái định cư, phân tích và đánh giá để đề xuất giải pháp nâng cao mức sống.

Phương pháp nghiên cứu

* *Phương pháp nghiên cứu chung*

* *Các phương pháp nghiên cứu cụ thể*

- *Phương pháp thu nhập thông tin:* Nhằm thu thập các tài liệu thứ cấp.

- *Phương pháp điều tra xã hội học:* Đề tài thực hiện hai cách thức điều tra chủ yếu: Lập phiếu điều tra và điều tra trực tiếp các hộ dân; Và phỏng vấn sâu các hộ dân trong khi điều tra và các cán bộ liên quan đến công tác tái định cư.

* *Phương pháp phân tích và tổng hợp*

* Phương pháp hệ thống

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn có những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn như sau:

- Xây dựng các tiêu chí đánh giá mức sống các hộ dân tái định cư dự án thủy điện.

- Đánh giá tác động của chính sách Nhà nước, chính quyền địa phương áp dụng đối với di dân, tái định cư các dự án thủy điện hiện nay.

- Cung cấp người đọc đầy đủ, chính xác thực trạng mức sống hiện nay, những mặt tích cực, mặt hạn chế, một số giải pháp ổn định và nâng cao mức sống cho các hộ dân tái định cư của dự án thủy điện Sê San 3A.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, đề tài kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn nâng cao mức sống người dân tái định cư của các dự án thủy điện.

Chương 2: Thực trạng mức sống người dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A.

Chương 3: Một số giải pháp nâng cao mức sống người dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NÂNG CAO MỨC SỐNG CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN

1.1. Các nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

1.1.1. Các nghiên cứu trong nước

Các công trình nghiên cứu trong nước đề cập đến di dân, tái định cư cho đến nay chủ yếu thể hiện dưới bốn góc độ chính: (1) Đánh giá một số mô hình tái định cư liên quan đến các công trình thủy điện; (2) Quản lý vấn đề di dân nói chung, chủ yếu từ nông thôn ra thành thị; (3) Giải quyết chế độ đối với người dân bị mất đất ở và đất sản xuất do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; (4) Các nghiên cứu, đề xuất quy mô nhỏ như bài báo, tham luận về đời sống người dân sau khi bị thu hồi đất.

1.1.2. Các nghiên cứu của nước ngoài

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài về di dân và tái định cư chủ yếu phân tích xu hướng di dân từ nông thôn ra thành thị, đồng thời chưa điều tra toàn diện mức sống, chưa đề ra các giải pháp thỏa đáng nhằm ổn định và nâng cao mức sống các hộ dân tái định cư.

1.2. Khái niệm về di dân, tái định cư

1.2.1. Di dân

a- Khái niệm và lịch sử di dân

Theo nghĩa rộng, di dân là sự chuyển dịch bất kỳ của con người trong một không gian, thời gian nhất định kèm theo sự thay đổi nơi cư trú tạm thời hay vĩnh viễn.

Lịch sử di dân của loài người diễn ra rất sớm, bắt đầu bằng sự di cư của người Homo Erectus khỏi Châu Phi sang Châu Âu - Á cách đây một triệu năm. Ở lịch sử cận đại, lịch sử hiện đại cũng chứng kiến những cuộc di dân lớn.

b- Đặc điểm của di dân

c- Phân loại di dân

d- Di dân tự nguyện: Di dân tự nguyện (voluntary migration) là di dân do người dân tự nguyện di chuyển khỏi nơi sinh sống đến nơi khác theo đúng mong muốn hay nguyện vọng của mình vì những mục đích khác nhau.

e- Di dân không tự nguyện

Di dân không tự nguyện (involuntary migration) là di dân của những nhóm người diễn ra do những yếu tố ngoài ý muốn của những người dân, mang tính cưỡng bức hoặc bắt buộc.

f- Di dân có tổ chức

g- Di dân tự phát

1.2.2. Tái định cư

a- Khái niệm và phân loại tái định cư

Tái định cư là việc các hộ dân phải di chuyển đến một nơi khác để sinh sống, đây là thuật ngữ chung liên quan tới bị thu hồi đất, mất đất, mất chỗ ở, mất tài sản, mất nguồn thu nhập hay mất những phương tiện kiếm sống khác.

Phân loại [01, tr.12] dựa trên thiệt hại của người tái định cư, bao gồm:

- Thiệt hại về tài sản sản xuất, bao gồm đất đai, thu nhập và đời sống;
- Thiệt hại nhà ở, các hệ thống dịch vụ kèm theo;
- Thiệt hại về các tài sản khác;
- Thiệt hại về các nguồn tài nguyên của cộng đồng như môi trường

sinh sống, văn hóa, xã hội, tín ngưỡng.

b- Tái định cư tự nguyện và không tự nguyện

- Tái định cư (bắt buộc) không tự nguyện

Tái định cư bắt buộc do người dân bị trưng dụng đất để xây dựng dự án vì lợi ích chung của cộng đồng, liên quan tới tất cả lứa tuổi và giới, người bị ảnh hưởng có thể không được quyết định.

- Tái định cư tự nguyện

Tái định cư tự nguyện những người tái định cư được tự quyết định lựa chọn.

c- Di dân tái định cư các công trình thủy điện

Di dân tái định cư các công trình thủy điện thường là bắt buộc để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình, ngập lòng hồ, các công trình phụ trợ thủy điện. Diện tích đất bị thu hồi và số người bị ảnh hưởng, phải di dân tái định cư thường rất lớn.

1.3 Khái niệm và các chỉ tiêu đánh giá mức sống

1.3.1. Khái niệm mức sống

Hiện nay tồn tại nhiều khái niệm về mức sống. Nhìn chung, có hai cách tiếp cận khái niệm này. Cách thứ nhất lấy mức thỏa mãn nhu cầu của con người làm cơ sở xem xét. Cách thứ hai chọn tập hợp các điều kiện sống làm đối tượng nghiên cứu, trong đó bao gồm điều kiện xã hội, chính trị, mức sản xuất chung, môi trường...v.v.

Mức sống và chất lượng cuộc sống là hai phạm trù có quan hệ bổ sung cho nhau. Tuy nhiên chất lượng cuộc sống phản ánh toàn diện hơn mức độ hài lòng và hạnh phúc của con người.

1.3.2. Các chỉ tiêu đánh giá mức sống

Căn cứ các khái niệm về mức sống; Các tiêu chí khảo sát, các mục tổng hợp về khảo sát mức sống của hộ gia đình năm 2008 của Tổng cục Thống kê; Đặc điểm kinh tế, xã hội và thực trạng cuộc sống các hộ di dân là đồng bào dân tộc thiểu số, đề tài xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đo lường mức sống của người dân vùng được nghiên cứu gồm 9 nhóm các chỉ tiêu:(1) Các loại đền bù, hỗ trợ; (2) Thu nhập; (3) Nhà ở, tài sản, đất canh tác;(4) Hạ tầng kỹ thuật, khí hậu; (5) Việc làm; (6) Chăm sóc y tế; (7) Giáo dục; (8) Bình đẳng giới;(9) Đời sống cộng đồng, văn hóa, xã hội.

Các nhóm chỉ tiêu đánh giá được chi tiết hóa thành các chỉ tiêu điều tra, phỏng vấn cụ thể tại các phiếu điều tra và câu hỏi phỏng vấn (xem thêm các phụ lục I, II, III và IV).

1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng mức sống người dân TĐC dự án thủy điện

a- Điều kiện tự nhiên

b- Điều kiện kinh tế

c- Điều kiện xã hội

d- Yếu tố tự thân người dân

e- Vai trò của Chính phủ, chính quyền địa phương

1.3.4. Lý luận về nâng cao mức sống các hộ dân TĐC dự án thủy điện

Tại mỗi thời kỳ nhất định, mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng xã

hội đã có mỗi mức sống tương ứng, được đánh giá đo lường tại thời điểm đó. Đánh giá mức sống theo tiêu chí mức thỏa mãn nhu cầu có thể phân chia mức sống thành 3 cấp độ, bao gồm: mức sống cao, mức sống trung bình và mức sống thấp.

Làm thế nào để nâng cao mức sống luôn luôn là câu hỏi bức xúc và cần phải quan tâm giải quyết của các nhà lãnh đạo trong quá trình xây dựng và phát triển, là mục tiêu hướng tới của mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia.

Nâng cao mức sống là những cách thức, biện pháp nhằm nâng mức sống trong tương lai cao hơn mức sống hiện tại. Nâng cao mức sống các hộ dân không có phương pháp chung và cụ thể, nó tùy thuộc vào: (1) Thực trạng mức sống mỗi hộ gia đình, cộng đồng hiện tại; (2) Điều kiện các nguồn lực và khả năng sử dụng nguồn lực đang có; (3) Trình độ dân trí; (4) Chiến lược sinh kế chung của cộng đồng;...v.v.

Nâng cao mức sống các hộ dân phải bảo đảm phù hợp với mục tiêu sinh kế bền vững. Những nội dung chính của mục tiêu sinh kế bền vững là thực hiện mục tiêu tái tạo và sử dụng ổn định các nguồn lực, tài sản của mình đạt hiệu quả phát triển bền vững.

1.4. Thực tiễn mức sống, nâng cao mức sống hộ dân TĐC dự án thủy điện

1.4.1. Chính sách TĐC bắt buộc của Ngân hàng Phát triển châu Á

Có ba yếu tố quan trọng trong tái định cư bắt buộc [13, tr. 33], đó là:

- Đền bù những tài sản bị mất và những thiệt hại về sinh kế và thu nhập;
- Hỗ trợ di dời bao gồm cung cấp di chuyển đến địa điểm di dời với các dịch vụ và phương tiện thích hợp;
- Hỗ trợ để khôi phục được ít nhất bằng mức sống trước khi có dự án.

1.4.2. Kinh nghiệm nâng cao mức sống hộ dân TĐC các nước khu vực

a- Trung Quốc

b- Thái Lan

1.4.3. Kinh nghiệm nâng cao mức sống hộ dân TĐC của Việt Nam

a- Chính sách về tái định cư của Việt Nam

b- Bài học kinh nghiệm công tác tái định cư công trình thủy điện Hoà Bình

c- Bài học kinh nghiệm tái định cư thủy điện Ya Ly

Chương 2: THỰC TRẠNG MỨC SỐNG NGƯỜI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 3A

2.1. Tình hình tự nhiên, kinh tế xã hội xã Ia Kreng, huyện Chư Păh

2.2.1. Điều kiện tự nhiên

a- Vị trí địa lý: Khu tái định cư thuộc xã Ia Kreng [35] (xã mới tách ra từ xã Ia Mơ Nông từ đầu năm 2009), huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Diện tích là 11.392,64 ha, có 3 làng, gồm làng Dip, làng Doch 1, làng Doch 2. Dân số đến 31/12/2010 là 391 hộ, 1.578 nhân khẩu, trong đó 1.533 nhân khẩu dân tộc thiểu số. Người dân tộc Jarai chiếm 99,9%.

b- Khí hậu: Xã Ia Kreng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, độ ẩm cao, lượng mưa lớn. Khí hậu có làm 2 mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô.

c- Địa hình: Xã có 3 dạng địa hình chính: Dạng núi cao sườn dốc, dạng đồi thoải lượn sóng, dạng bằng thung lũng.

d- Nguồn nước: Trong khu vực có hệ thống khe suối tương đối dày và phong phú, có khả năng khai thác nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất.

e- Hệ thống đường giao thông: Có tỉnh lộ 673 đi đến trung tâm huyện, trung tâm xã, các làng là đường nhựa afan rộng 5,5m, đường nội bộ khu dân cư là loại đường nhựa bán thâm nhập và đường đất cấp phối.

2.2.2. Điều kiện kinh tế.

Các chỉ tiêu kinh tế đạt được năm 2010 [35]

- Tổng diện tích gieo trồng là: 452 ha;
- Thu nhập bình quân đầu người: 4.3 triệu đồng/ người/ năm;
- Sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 629,2 tấn, bình quân lương thực đầu người 398,7 kg/người/năm.

2.2.3. Điều kiện xã hội

Một số chỉ tiêu xã hội năm 2010 đạt được [35]:

- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí cũ còn 7.93% (Tính theo tiêu chí mới 263 hộ, chiếm tỷ lệ 67.26%); Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên tăng 1,7%;
- Có 03 cụm trường học. Cụm làng Dip có 3 cấp học 10 phòng học; Cụm làng Doch 2 có 2 cấp học 3 phòng học; Cụm trung tâm xã có 3 cấp học 5 phòng học.

- Có 1 Trạm y tế tại UBND xã.

2.2 Tổng quan công tác di dân, tái định cư thủy điện Sê San 3A

2.2.1. Khái quát dự án thủy điện Sê San 3A

Nhà máy thủy điện Sê San 3A là bậc thang thứ tư trên dòng sông Sê San (bậc thang dưới các nhà máy thủy điện PleKrông, Ialy và Sê San 3), xây dựng tại huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai và huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Chủ đầu tư dự án là Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A, gồm ba cổ đông sáng lập là Tập Đoàn Sông Đà, Tập Đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty TNHH Bình Minh.

Các thông số chính của Nhà máy Sê San 3A: Công suất thiết kế 108 MW, 02 tổ máy; sản lượng điện bình quân năm 479,3 triệu kwh; tổng mức đầu tư 1.864 tỷ đồng. Khởi công năm 2003, phát điện TM1 tháng 12/2006, phát điện TM2 tháng 6/2007, hoàn thành tháng 12/2007.

Diện tích đất thu hồi cho dự án: Tổng số 1.108 ha.

Các hộ dân bị ảnh hưởng từ dự án: Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 155 hộ, tương ứng 665 nhân khẩu. Trong đó, số hộ thiệt hại đất sản xuất 155 hộ; số hộ bị thiệt hại nhà ở 155 hộ; Số hộ tái định cư bắt buộc 155 hộ, tương ứng 665 nhân khẩu.

2.2.2. Nội dung di dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A

a. Các căn cứ pháp lý áp dụng về di dân tái định cư.

b. Đặc điểm vùng chịu ảnh hưởng của công trình thủy điện Sê San 3A

** Đặc điểm vùng phải di dân (chỗ ở trước khi tái định cư)*

Trước khi tái định cư các hộ dân sống tại vùng ngập lòng hồ bờ trái thuộc dự án thủy điện Sê San 3A, có các đặc điểm như sau:

- Gồm 51 ngôi nhà, có 155 hộ tương ứng 665 khẩu sinh sống, 100% là đồng bào dân tộc Jarai, các hộ dân sống quần tụ theo dòng tộc trên những dải đất ven sông suối, tập quán làm nhà gần nhau.

- Cơ sở hạ tầng: Giao thông đến các làng lân cận, đến UBND xã Ia Mơ Nông bằng đường mòn đất nối với tỉnh lộ 673; trường học: 03 lớp học; nước sinh hoạt lấy từ khe suối; không có điện; không có chợ; có 01 nhà rông truyền thống.

- Nguồn thu nhập chính là trồng trọt, chăn nuôi, thu hái lâm sản, săn bắt thú rừng. Sản xuất chủ yếu là du canh, phát nương rẫy. Kinh tế tự cung tự cấp, hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên, chưa có tác động của khoa học kỹ thuật, trình độ dân trí thấp, sản xuất chỉ đủ ăn, cúng lễ, ma chay, cưới xin. Thời điểm 2005 làng có 81,28% hộ nghèo.

**- Đặc điểm vùng nhận dân tái định cư (nơi đến)*

Xây dựng tại khu quy hoạch ngã 3 Bằng Lăng xã Ia Kreng, cách nơi ở cũ khoảng 5 km, lấy tên cũ làng Dip. Điều kiện tự nhiên, khí hậu, phong tục tập quán hầu như không bị thay đổi, tương đồng về dân tộc, văn hoá, lối sống giữa người dân tái định cư và người dân vùng tiếp nhận.

c. Bồi thường thiệt hại của chủ đầu tư.

d. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư

e. Hỗ trợ tái định cư

2.3. Tổng hợp kết quả điều tra thực trạng mức sống hộ dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A

2.3.1. Mẫu điều tra

Đề tài chọn mẫu điều tra gồm:

- Điều tra 159/182 hộ dân bằng phiếu điều tra.

- Phòng vấn sâu một số cán bộ: 11 cán bộ làng xã, 03 cán bộ chuyên trách và lãnh đạo huyện Chư Păh; 02 cán bộ của chủ đầu tư.

Đề tài xây dựng gồm 4 mẫu phiếu câu hỏi điều tra và phỏng vấn:

- Mẫu phiếu câu hỏi điều tra hộ gia đình;

- Mẫu phiếu câu hỏi phỏng vấn sâu cán bộ cơ sở;

- Mẫu phiếu câu hỏi phỏng vấn sâu các cơ quan chức năng;

- Mẫu phiếu câu hỏi phỏng vấn chủ đầu tư dự án.

Tổng số phiếu điều tra hộ gia đình phát ra là 159 phiếu. Số phiếu điều tra thu về là 159 phiếu (danh sách tại phụ lục V). Phỏng vấn sâu 16 cán bộ liên quan dự án tái định cư Thủy điện Sê San 3A và phụ trách công tác tái định cư của địa phương (danh sách tại phụ lục VI).

2.3.2. Thông tin chung các hộ điều tra

a. Về số người trong gia đình: Quy mô trung bình 3,99 người/hộ.

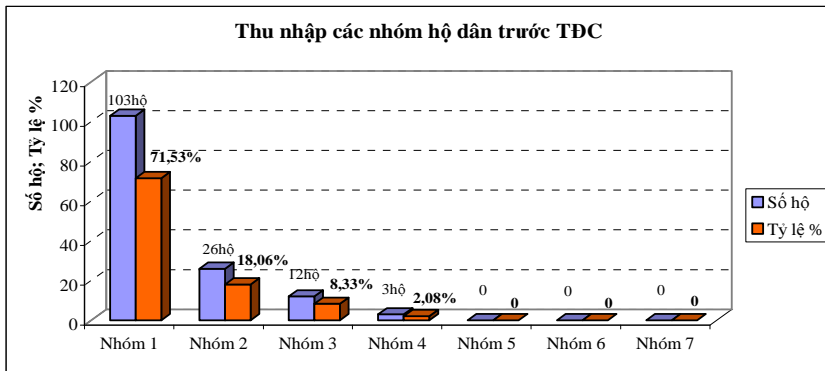
- b- Về số lao động chính: Bình quân mỗi gia đình có 2,26 lao động chính.
- c- Về nghề nghiệp chủ hộ: Đa đa số là làm nông nghiệp (93,08%).

2.3.3. Thông tin chung đền bù, hỗ trợ

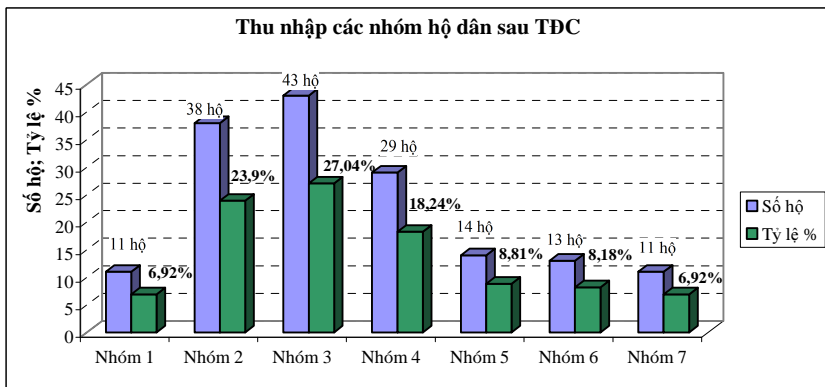
- a- Các loại đền bù các hộ dân đã nhận: Kết quả tại bảng VII-2 (PL.VII).
- b- Các loại hỗ trợ các hộ dân đã nhận: Kết quả tại bảng VII-3 (PL.VII).
- c- Đánh giá mức độ hài lòng về nhận đền bù và hỗ trợ: Kết quả tại bảng VII-4 (PL.VII).

2.3.4. Tình hình thu nhập

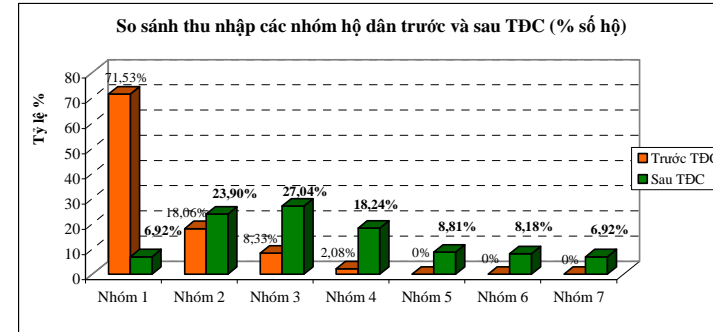
- a- Thu nhập bình quân người/tháng



Biểu đồ 2- 1: Thu nhập các nhóm hộ dân trước tái định cư

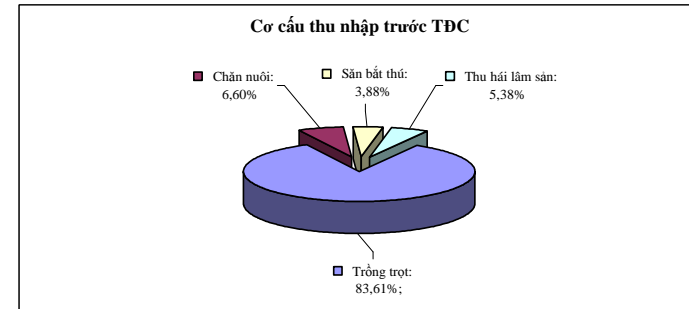


Biểu đồ 2- 2: Thu nhập các nhóm hộ dân sau tái định cư

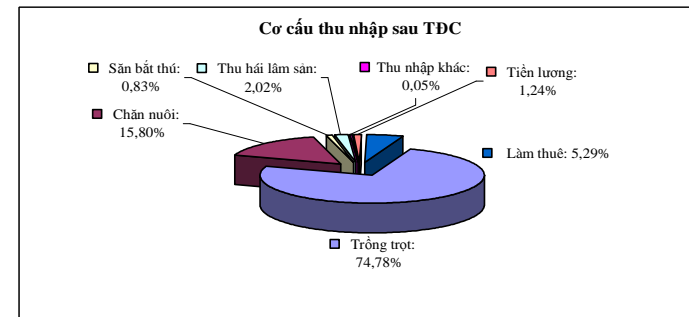


Biểu đồ 2- 3: So sánh thu nhập các nhóm hộ dân trước và sau tái định cư

- b- Tình trạng đói, thiếu ăn: Kết quả bảng VII-6 (Phụ lục VII).
- c- Các nguồn thu nhập chính



Biểu đồ 2- 4: Cơ cấu nguồn thu nhập trước định cư



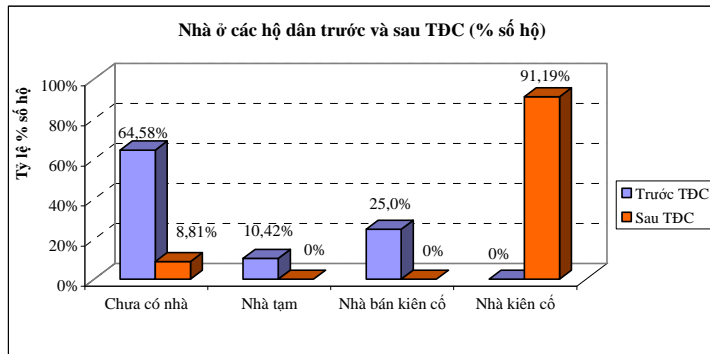
Biểu đồ 2- 5: Cơ cấu nguồn thu nhập sau tái định cư

d- Các loại cây trồng cho thu nhập cao: (1) Thứ nhất là cây sắn (mì) cao sắn; (2) Thứ 2 là cây lúa; (3) Thứ 3 là cây điều và (4) thứ 4 là cây bời lờ.

e. Các loại vật nuôi cho thu nhập cao: (1) Thứ nhất là trâu, bò; (2) thứ hai là heo; (3) thứ ba là gà.

2.3.5. Thông tin về nhà ở, tài sản, đất canh tác

a- Nhà ở các hộ gia đình



Biểu đồ 2- 6: Tỷ lệ các hộ dân có các loại nhà ở trước và sau TĐC

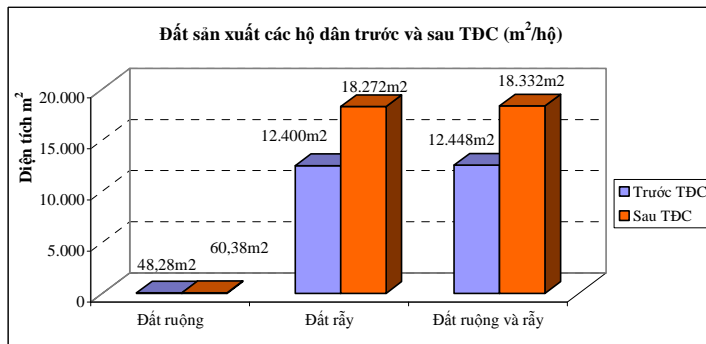
b- So sánh nhà ở so với trước tái định cư: Kết quả tại bảng VII.20(PL.VII).

c- Các tài sản có giá trị: Kết quả tại bảng VII.21 (PL.VII).

d- Các loại vật nuôi: Kết quả tại bảng VII.22 (PL.VII).

e- Các loại cây trồng lâu năm: Kết quả tại bảng VII.22 (PL.VII).

f- Đất sản xuất



Biểu đồ 2- 7: Đất sản xuất bình quân các hộ dân trước và sau TĐC

g- So sánh đất sản xuất với trước TĐC: Kết quả tại bảng VII.25 (PL.VII).

h- Điều kiện canh tác so với trước TĐC: Kết quả tại bảng VII.26 (PL.VII).

2.3.6. Thông tin về hạ tầng kỹ thuật, khí hậu

a- Nguồn cấp điện sinh hoạt: Hiện nay 100% các hộ dân sử dụng điện trực tiếp từ điện lưới Quốc gia.

b- Nước ăn, sinh hoạt: Kết quả tại bảng VII.29 (Phụ lục VII).

c- Nhà vệ sinh tại khu tái định cư: 100% hộ được xây nhà vệ sinh tại gia đình, tuy nhiên tất cả các hộ đều không hài lòng và không sử dụng.

d- Nhà Rông tại khu tái định cư: Khu tái định cư có xây 02 nhà Rông, một nhà rông văn hóa và 01 nhà Rông (tâm linh).

e- Chợ khu tái định cư: Kết quả tại bảng VII.33 (Phụ lục VII)

f- Đánh giá giao thông, khí hậu với trước TĐC: Sau tái định cư các điều kiện hạ tầng kỹ thuật và khí hậu tốt hơn.

2.3.7. Thông tin về việc làm

a- Cơ hội việc làm: Kết quả tại bảng VII.36 (Phụ lục VII).

b- Các dự án, chương trình tạo việc làm, tăng thu nhập: Kết quả tại bảng VII.37 (Phụ lục VII).

c- Vay nguồn vốn ưu đãi: Kết quả tại bảng VII.38-VII.39 (PL.VII).

2.3.8. Thông tin y tế

a- Cơ sở y tế, trang bị cơ sở y tế: Trang bị cơ sở vật chất đầy đủ.

b- Nơi khám chữa bệnh: Kết quả tại bảng VII.42 (PL.VII).

2.3.9. Thông tin giáo dục

a- Tình trạng bỏ học và nguyên nhân bỏ học: Kết quả tại bảng VII.44; 45 (PL.VII).

b- So sánh điều kiện học tập với trước TĐC: Kết quả tại bảng VII.46 (PL.VII).

2.3.10. Tình hình bình đẳng giới

a- Tình hình bình đẳng giới và nguyên nhân: Kết quả điều tra bảng VII.47;48 (PL.VII). Vai trò làm kinh tế của nam giới có được nâng lên.

2.3.11. Tình hình đời sống cộng đồng, văn hóa, xã hội, an ninh trật tự

a- Điều kiện sinh hoạt cộng đồng, văn hóa xã hội: Điều kiện sinh hoạt văn hóa xã hội của người dân sau tái định cư đã được cải thiện đáng kể.

b- Tham gia sinh hoạt Đảng, đoàn thể: Kết quả tại bảng VII.50(PL.VII).

c- *Tình hình tín ngưỡng, giảm tệ nạn xã hội, an ninh trật tự:* Điều kiện tín ngưỡng, giảm tệ nạn xã hội, an ninh và an toàn xã hội nhìn chung tốt hơn.

d- *Các bức xúc của người dân về TĐC:* Kết quả tại bảng VII.52 (PL.VII).

Đề tài tổng hợp sự thay đổi về mức sống của các hộ dân sau tái định cư so với trước tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A tại bảng 2-7.

Nhận xét tổng quan: Những mặt được cải thiện so với trước tái định cư: Thu nhập bình quân đầu người tăng **179,87%**; **Hộ nghèo và cận nghèo giảm 23,20%**; Cơ cấu ngành nghề đa dạng hơn. Chuyển dịch ngành nghề: giảm tỷ trọng trồng trọt, thu hái lâm sản và tăng tỷ trọng chăn nuôi, làm công, làm thuê; Cây trồng giảm tỷ trọng cây ngắn ngày và tăng tỷ trọng cây dài ngày; Chăn nuôi tăng tỷ trọng nuôi gia súc gia cầm có giá trị kinh tế cao; Chất lượng nhà ở tốt hơn, diện tích nhà ở bình quân đầu người tăng 496,24%; Tài sản có giá tăng nhiều lần; Đất sản xuất tăng 147,26%, điều kiện canh tác tốt hơn; Hạ tầng kỹ thuật, cơ hội việc làm, Y tế, giáo dục, đời sống cộng đồng, tín ngưỡng, giảm tệ nạn xã hội, an ninh trật tự tốt hơn.

Những mặt chưa được cải thiện so với trước tái định cư: Nước sạch ăn sinh hoạt; hệ thống thủy lợi, tưới tiêu.

Những mặt kém hơn so với trước tái định cư: Không.

Kết luận: Mức sống của người dân tái định cư đã được cải thiện đáng kể ở hầu hết các tiêu chí đánh giá mức sống so với trước tái định cư. Tuy nhiên người dân vẫn còn những tâm tư nguyện vọng cần được Nhà nước, Chính quyền các cấp địa phương giải quyết một cách thỏa đáng để nâng cao mức sống cũng như chất lượng cuộc sống cho họ.

2.4. Kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân về nâng cao mức sống các hộ dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A

2.4.1. Những kết quả đạt được

Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ bồi thường hỗ trợ cho người dân theo quy định của Nhà nước tại thời điểm thực hiện tái định cư.

Chính quyền địa phương đã giúp người dân sớm ổn định cuộc sống và hỗ trợ sinh kế đã mang lại một số lợi ích thiết thực cho các hộ dân.

Dự án đã đóng góp tích cực ổn định và bảo đảm cuộc sống của người dân, mức sống của các hộ dân sau tái định cư được tăng lên.

Dự án đã tập trung và hướng dẫn người dân chuyên canh sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, tạo việc làm và thu nhập bằng nhiều chương trình hỗ trợ khác nhau đã hạn chế được phần nào việc phá rừng để làm rẫy của người dân.

2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân

a- Những hạn chế

Chưa chú trọng **tạo các nguồn lực sản xuất cho những người dân.** Sinh kế của người dân còn khó khăn, ít cơ hội tìm việc làm.

Quy hoạch đất chưa tốt, chưa hợp lý, đất sản xuất bị chia cắt, đồi dốc, chưa đầu tư ruộng nước, thiếu hệ thống thủy lợi, không thuận tiện để sản xuất và chăn nuôi.

Diện tích nhà ở còn ít, chưa phù hợp với Tây nguyên. Người dân chưa hài lòng về thiết kế kiểu nhà ở đô thị, bố trí phòng ở, nhà bếp, nhà vệ sinh, vừa thiếu vừa gây lãng phí trong đầu tư.

Các chương trình đào tạo của dự án, chương trình hỗ trợ thiếu thực tế. Dân trí các hộ dân còn hạn chế, phần lớn các em ở độ tuổi cấp học trung học bỏ học do phải lo làm để kiếm tiền mưu toan cuộc sống.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trong năm năm qua còn cao **2,11%**.

b- Những nguyên nhân của hạn chế

Chính sách của Nhà nước chưa có quy định cụ thể đền bù, hỗ trợ các thiệt hại vô hình và chi phí cơ hội và chưa quy định cụ thể về tạo sinh kế bền vững.

Thiếu nghiên cứu khả thi về canh tác nương rẫy, về các loại cây trồng, con giống phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, về khuyến nông và tiêu thụ sản phẩm,..v.v, để phát triển sinh kế của người dân tái định cư.

Chưa tham khảo ý kiến của Chính quyền khi thiết kế, bố trí nhà ở, công trình phúc lợi để phù hợp với phong tục tập quán của người dân.

Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO MỨC SỐNG NGƯỜI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 3A

3.1. Căn cứ tiền đề và mục tiêu đề xuất giải pháp nâng cao mức sống người dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A

3.1.1. Căn cứ tiền đề về nâng cao mức sống người dân tái định cư

Thứ nhất, giải quyết di dân, tái định cư, đầu tư các dự án để nâng cao mức sống phải quán triệt các quan điểm chủ trương của Đảng và Nhà nước, phù hợp với qui hoạch và các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai, huyện Chư Păh, trong giai đoạn 2011-2015 và định hướng phát triển đến năm 2020.

Thứ hai, nâng cao mức sống người dân tái định cư phải đảm bảo sinh kế bền vững của các hộ dân và cộng đồng là mục tiêu hàng đầu. Sinh kế bền vững khi sinh kế đó có thể đối phó, khôi phục trước tác động của những áp lực và những biến động và duy trì hoặc tăng cường những năng lực cũng như nguồn lực của nó trong hiện tại và tương lai, trong khi không làm suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên [33, tr. 9].

Thứ ba, nâng cao mức sống phải đảm bảo ổn định, từng bước nâng cao nguồn thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thứ tư, nâng cao mức sống phải xem xét khi thẩm định dự án và triển khai tái định cư. Đền bù hỗ trợ bảo đảm nơi ở mới bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ không chỉ tại thời điểm tái định cư, mà còn phải giúp người dân tự tạo thu nhập bảo đảm mức sống cao hơn cho 3-5 năm tiếp sau tái định cư. Giúp người dân sử dụng hiệu quả tiền bồi thường hỗ trợ, vay vốn nguồn ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm.

3.1.2. Những vấn đề đặt ra về nâng cao mức sống các hộ dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A

a- Chính sách về di dân TĐC dự án thủy điện cần phù hợp với thực tế hơn:

(1) Mục tiêu chính sách chưa đầy đủ: Chính sách mới chỉ quan tâm chi phí đền bù, hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại chủ yếu là các thiệt hại vật chất trực tiếp, các thiệt hại gián tiếp và vô hình khác của người dân

chưa được tính tới. Chưa quy định mục tiêu toàn diện để người dân tái định cư bảo đảm ổn định, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống.

(2) Chính sách chưa quy định rõ sinh kế của các hộ tái định cư: Là nội dung quan trọng nhất cho người dân tái định cư nhưng đa phần các dự án tái định cư giải quyết tốt khi phê duyệt và khi triển khai dự án.

b- Đất canh tác

Đại đa số người dân tái định cư được cấp đất đủ và vượt hạn mức đất theo quy định của địa phương, nhưng vẫn có những bất cập như: (1) Ruộng nước cấp cho dân không đáng kể; (2) Không đầu tư phù hợp hệ thống thủy lợi; (3) Chất lượng đất nương rẫy thấp, manh mún, đồi dốc lớn, độ màu mỡ kém, chóng bị xói mòn, bạc màu,..v.v.

c- Phương án sản xuất

(1) Chính quyền địa phương chưa xây dựng phương án sản xuất có năng suất cao, chú trọng đầu tư áp dụng khoa học kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng tại khu vực.

(2) Chính quyền địa phương chưa có biện pháp hữu hiệu quản lý để hạn chế việc phát rừng làm rẫy của người dân, góp phần cải thiện môi sinh và giảm đi sự khai thác kiệt quệ tài nguyên rừng.

d- Cải thiện điều kiện sống, sinh hoạt

Cải tạo hệ thống nước sinh hoạt ở những cụm dân cư khó khăn về nước. Hỗ trợ các hộ dân có nhân khẩu đông có thêm chỗ ở, xây nhà vệ sinh phù hợp phong tục tập quán và bảo đảm vệ sinh môi trường.

e- Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập

Quan tâm hơn các phương án sản xuất kinh doanh tạo việc làm và thu nhập cho người dân tái định cư. Chú trọng tạo thêm dự án, chương trình hỗ trợ, tạo cơ hội việc làm, tăng việc làm, tạo sinh kế để cải thiện thu nhập cho các hộ dân.

f- Nâng cao dân trí, giảm tỷ lệ tăng dân số

(1) Giáo dục nâng cao dân trí của người dân để thay đổi tập tác lạc

hậu, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, tiếp cận với nền kinh tế thị trường.

(2) Vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ tăng dân số để cho con, em họ được chăm sóc và học tập tốt hơn.

(3) Phát huy những nét văn hóa, lễ hội bản sắc truyền thống của đồng bào dân tộc, hạn chế tổ chức lễ hội quá linh đình tốn kém, nhất là lễ bỏ mả [49], giáo dục người dân tổ chức lễ hội bảo đảm nét văn hóa đặc trưng và phù hợp với khả năng kinh tế của mình.

3.1.3. Mục tiêu các nội dung nâng cao mức sống cho người dân tái

định cư dự án thủy điện Sê San 3A

Thứ nhất, tái định cư phải lấy tiêu chí đảm bảo sinh kế bền vững là mục tiêu hàng đầu, sinh kế của người dân tái định cư phải được xem xét toàn diện như sau:

(1) Đầu tư nguồn lực đất sản xuất, đặc biệt là ruộng nước, đất phát triển rừng, nơi chăn thả gia súc,..

(2) Đầu tư phát triển sản xuất phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, địa hình, điều kiện sản xuất. Quy hoạch thủy lợi để định hướng xây dựng các chương trình, dự án tổ chức sản xuất phù hợp.

(3) Đầu tư thâm canh, áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, đầu tư giống cây trồng, giống vật nuôi chất lượng và năng suất cao.

(4) Tạo thêm dự án, chương trình để tăng cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Thứ hai, Nâng cao mức sống phải bảo đảm phát triển ổn định, bền vững, duy trì, bảo tồn, phát huy những bản sắc văn hóa tinh thần, tôn trọng những tập tục, tín ngưỡng của người đồng bào.

Thứ ba, các dự án, chương trình nâng cao mức sống phải phù hợp với trình độ sản xuất và nhận thức của người dân. Nâng cao nhận thức người dân. Chú trọng bảo vệ môi trường, tránh quan điểm nâng cao mức sống bằng mọi giá, vì lợi ích nhỏ trước mắt mà hậu quả là sự tàn phá, hủy diệt môi trường.

3.2. Một số giải pháp nâng cao mức sống cho người dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A

3.2.1. Nhóm giải pháp từ Nhà nước

a- Chính sách phải phù hợp với đặc thù tái định cư dự án thủy điện

Chính sách của Nhà nước cần quan tâm đầy đủ đền bù, hỗ trợ các thiệt hại vật chất trực tiếp và thiệt hại gián tiếp và vô hình, đề ra mục tiêu toàn diện bảo đảm ổn định, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống hộ dân sau tái định cư.

Quy định cụ thể việc lập, thực thi dự án thủy điện phải lập phương án đảm bảo sinh kế cho người dân là bắt buộc, tạo thu nhập ổn định từ 3 đến 5 năm tiếp theo sau tái định cư. Phát triển hạ tầng gắn với việc tạo thuận lợi cho sinh kế, phát triển bền vững, ổn định lâu dài.

b- Chính phủ đầu tư thêm các chương trình phát triển kinh tế- xã hội

Thời gian qua, các Chương trình và Chính sách đầu tư phát triển kinh tế- xã hội cho các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã làm thay đổi đáng kể kinh tế - xã hội các xã vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc đã giảm bớt khó khăn, nhiều hộ thoát nghèo. Chính phủ cần tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm, tiếp tục đầu tư thêm các Chương trình, mở rộng đối tượng để cho các hộ nghèo, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo bền vững.

3.2.2. Nhóm giải pháp đối với chính quyền địa phương các cấp

a- Giải pháp về đất sản xuất

(1) Mở rộng diện tích đất canh tác nương rẫy.

(2) Đầu tư mở rộng tăng diện tích ruộng nước để trồng lúa nước.

(3) Đầu tư tăng hiệu ích, cải tạo nâng cao chất lượng, độ màu mỡ của đất.

b- Giải pháp nhà ở.

Hỗ trợ chi phí: Làm thêm nhà ở các hộ có từ 6 khẩu trở lên và các hộ gia đình mới tách hộ; Làm chái hiên che mưa nắng trước nhà;

Xây mới mỗi hộ 01 nhà vệ sinh tự hoại 2 ngăn, hoặc tự hoại hầm chứa.

c- Giải pháp nước sạch

Cải tạo và nâng cấp hệ thống nước tự chảy.

d- Giải pháp vật nuôi, cây trồng, hỗ trợ và bao tiêu tiêu thụ sản phẩm

Chăn nuôi bò lai, dê lai, gà lai và nuôi chăn thả. Nhân giống tại địa phương để thích ứng với điều kiện khí hậu và môi trường;

Trồng cây lâu năm là cây điều, bời lời, cây ngắn ngày là lúa ruộng nước, ngô, sắn;

Hỗ trợ xe vận chuyển, tổ chức thu mua sản phẩm của người dân.

e- Tăng cường chuyển giao khoa học, kỹ thuật, hướng nghiệp, tạo nghề

f- Giải pháp về chính sách đối với đồng bào dân tộc.

Đầu tư thêm đất sản xuất thuận tiện và phù hợp với phương thức, tập tục sản xuất của đồng bào.

Đầu tư mới Rông (tâm linh) thờ cúng của làng, chú ý đến yếu tố văn hóa, phong tục tập quán của người dân.

g- Giải pháp tạo thêm việc làm

Phối hợp với các cơ quan trên địa bàn, các tổ chức xã hội đầu tư các dự án, chương trình hỗ trợ tạo việc làm thiết thực và phù hợp với trình độ người dân, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, khí hậu, địa hình, thổ nhưỡng. Khuyến khích các cơ quan, doanh nghiệp sử dụng người lao động là đồng bào dân tộc, đặc biệt là các hộ nghèo. Đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp; các dịch vụ ngành nông – lâm về trồng và chăm sóc rừng; thu hút đầu tư và đầu tư du lịch sinh thái...

3.2.3. Nhóm giải pháp từ người dân

a- Cần nỗ lực vượt khó, không ỷ lại trông chờ Nhà nước.

Một bộ phận không nhỏ dân cư có tâm lý và tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào đền bù, hỗ trợ của Nhà nước, cứu trợ của các cơ quan tổ chức. Người dân muốn xóa đói, giảm nghèo, từng bước làm giàu, trước hết phải nỗ lực, tự lực cánh sinh, có tinh thần vượt khó lao động sản xuất tạo ra thật nhiều sản phẩm.

b- Nâng cao trình độ dân trí và trình độ canh tác

Người dân cần chủ động nâng cao trình độ dân trí, trình độ canh tác, tham gia học chuyển đổi nghề do các cấp hỗ trợ, qua đó học hỏi nghề, chuyển đổi và tạo nghề mới phù hợp hơn với cơ chế thị trường.

3.2.4. Nhóm giải pháp đối với doanh nghiệp

a- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định và chia sẻ lợi ích với người dân.

Doanh nghiệp cần thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bồi thường hỗ trợ cho người dân. Không vì lợi nhuận hoặc tiến độ mà bỏ qua hay cắt giảm. Chia sẻ lợi ích ở giai đoạn đầu tư và giai đoạn kinh doanh với người dân tái định cư.

b- Cần lập quỹ để hàng năm hỗ trợ người dân tái định cư.

Lập quỹ để hàng năm đầu tư, hỗ trợ trực tiếp, hoặc thông qua Chính quyền để tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho các hộ dân.

KẾT LUẬN

Nhà máy thủy điện Sê San 3A đã hoàn thành và phát điện vào lưới điện Quốc gia từ năm 2007, cung cấp cho nền kinh tế khoảng 480 triệu kwh/năm, góp phần giải quyết căng thẳng thiếu điện trong những năm vừa qua và những năm tới, tạo thêm việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách địa phương mỗi năm hàng chục tỷ đồng. Dự án cũng đã thực hiện di dân, tái định cư cho 155 hộ dân từ năm 2006. Đề tài đã thực hiện khảo sát thực trạng, phân tích và đánh giá toàn diện mức sống hiện tại của các hộ dân tái định cư của dự án. Kết hợp với phương pháp điều tra và phỏng vấn trực tiếp các đối tượng liên quan, và phương pháp nghiên cứu phù hợp đề tài đã có những phát hiện mới, đặc thù có ý nghĩa về thực tiễn.

Công tác di dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A đã đạt được một số thành công về ổn định đời sống, nâng cao được nhiều tiêu chí về mức sống, chất lượng cuộc sống của người dân tái định cư được cải thiện so với trước tái định cư. Điều đó nói lên sự nỗ lực rất lớn của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp và chủ đầu tư. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn khá nhiều bất cập liên quan cần giải quyết để nâng cao mức sống của người dân tái định cư như nhà ở, đất sản xuất, thu nhập, việc làm,..v.v. cho các hộ dân.

Những thành công và tồn tại của công tác di dân, tái định cư của dự án thủy điện Sê San 3A qua nghiên cứu của đề tài cần được các nhà hoạch định chính sách, chính quyền địa phương các cấp quan tâm trong việc soạn thảo, hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện dự án thủy điện. Đề tài đóng góp một số nhóm giải pháp liên quan đến chính sách của Nhà nước, Chính quyền địa phương các cấp, người dân tái định cư và Doanh nghiệp. Hy vọng các giải pháp trước hết góp phần nâng cao mức sống của các hộ dân tái định cư dự án thủy điện Sê San 3A, rộng hơn là các dự án di dân tái định cư thủy điện và góp phần cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội của xã Ia Kreng nói riêng, tỉnh Gia Lai nói chung./.